

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/09/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	17	0		18	0	
2		TD5	7:25	22	0		22	0	
3		BK14+TD3	7:25	4+18	0+0		0+16	0+0	
4		TD5+P1	9:25	14+8	0+0		13+8	0+0	
5		TTC3+P4	9:25	2+17	0+0		0+9	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	TO: MRM	CREW: Lạc - ĐTrung	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHLYK VIKTOR	MRM	11	1	8		114	KHOAN	Russian
2	ZHUIKO VALERII	MRM	10	1	7		93	KHOAN	Russian
3	MIROPOLTSEV ANATOLII	MRM	07	1	8		100	KHOAN	Russian
4	ZGONIK VADIM	MRM	04	1	11		88	KHOAN	Russian
5	DROZDOV ANDREI	MRM	05-06	2	15		85	KHOAN	Russian
6	GRITCENKO VLADIMIR	MRM	08-09	2	12		79	KHOAN	Russian
7	ZIMIN VLADIMIR	MRM	05-06	2	9		65	KHOAN	Russian
8	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	13-14	2	11		92	KHOAN	Russian
9	KONDRATIUK KIRILL	MRM	17-18	2	15		72	KHOAN	Russian
10	CHERNYKH PETR	MRM	03	1	9		95	KHOAN	Russian
11	KHARCHENKO IGOR	MRM	01-02	2	13		81	KHOAN	Russian
12	FEDOTOV ANDREI	MRM	12	1	9		93	KHOAN	Russian
13	NGUYEN BA TUAN	MRM	24	1	6		51	KHOAN	Vietnamese
14	LAM VAN KIEN	MRM	23	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
15	VU TRONG HACH	MRM	22	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGO DOAN ĐỨC	MRM	20-21	2	14		76	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ QUANG NGHIỆP	MRM	19	1	12		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

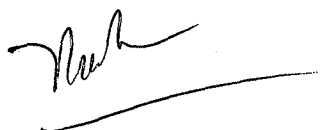
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	17	24	173	1.395	0	18		
	TOTAL	17	24	173	1.395	0	18		
	WEIGHT KG			173	1.395	0			

GRAND TOAL: 1.568 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: TD5	CREW: ATUÁN - Vận - Toan	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ Ý	TD5	55	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ THANH LAM	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
3	DUONG THE DUC	TD5	64-65	2	17		68	DVL	Vietnamese
4	LY NHẬT TRƯỞNG	TD5	46	1	5		75	DVL	Vietnamese
5	PHẠM QUANG TRUNG	TD5	62-63	2	17		80	DVL	Vietnamese
6	ĐÀO VĂN YẾN	TD5	47	1	12		64	DVL	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC HƯƠNG	TD5	54	1	5		78	DVL	Vietnamese
8	VŨ XUÂN CÀNH	TD5	42	1	12	100	67	DVL	Vietnamese
9	BUI HUY BĂNG	TD5	37	1	10		70	DVL	Vietnamese
10	HỒ HOÀN KIỂM	TD5	49	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	56	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	43	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	48	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
14	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	44-45	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HIỆU	TD5	38	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	36	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	50	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
18	CHU ĐỨC AI-CT	TD5	40-41	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
19	MAI ĐẠI HẢI	TD5	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	THAI VIỆT ĐỊNH	TD5	66-67	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
21	HA KHUÔNG DUY	TD5	52-53	2	17		62	KHOAN	Vietnamese
22	LUƠNG MẠNH HẢI	TD5	51	1	15		68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	27	193	1.588	100	22		
TOTAL		22	27	193	1.588	100	22		
WEIGHT KG				193	1.588	100			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: BK14 - TD3	CREW: Hồi - TRƯỜNG - Năm	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TUÂN	BK14	47	1	9	30	70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN TUÂN ANH	BK14	02-03	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TUÂN NINH	BK14	600,01	2	16	27	74	XAYLAP	Vietnamese
4	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	BK14	98-99	2	16		78	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	13	1	3	30	73	KHOAN	Vietnamese
6	DƯƠNG TRUNG KIẾN	TD3	05	1	8		60	DVL	Vietnamese
7	VŨ NGỌC QUANG	TD3	01	1	4		79	DNV	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	10-11	2	17		68	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VĂN HỘI	TD3	12	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN TUÂN ANH	TD3	04	1	2		83	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN KHOA	TD3	09	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	VÕ VĂN DUNG	TD3					85	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	06	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
14	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	08	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ HÙNG ANH	TD3	15	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ VĂN PHÚC	TD3					89	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	07	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ THANH SƠN	TD3	14	1	7		75	DVL	Vietnamese
19	LÊ DUY AN	TD3	16	1	11	14	122	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	TD3	17-18	2	15		66	ANTOAN	Vietnamese
21	ĐẶNG BA ĐIỀU	TD3	03	1	3		59	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	02	1	2		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	4	7	52	287	57	0		
2	TD3	18	18	101	1.358	44	16		
TOTAL		22	25	153	1.645	101	16		
WEIGHT KG				153	1.645	101			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: TD5 - P1	CREW: ATUẤN - Vận - Toàn	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TÙNG VỸ	TD5	71	1	11		65	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC NINH	TD5	70	1	13		76	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HUNG	TD5				29	80	DVL	Vietnamese
4	VŨ HAI THĂNG	TD5	79	1	14		72	DVL	Vietnamese
5	HỒ VĂN ANH	TD5	72	1	2		75	PSV	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN THỊNH	TD5	68	1	5		45	PSV	Vietnamese
7	ĐINH VĂN THĂNG	TD5	73	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	ĐINH VĂN HOÀI	TD5	69	1	3		70	PSV	Vietnamese
9	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	77	1	9		70	PSV	Vietnamese
10	PHI TRƯỞNG SƠN	TD5	80	1	7		67	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	74	1	6		67	PSV	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH HỘI	TD5	76	1	3		84	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	78	1	4		66	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	75	1	5		60	PSV	Vietnamese
15	HỒ NGỌC HÙNG	P1	37-38	2	7		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THỊ THANH	P1	39	1	12		63	PSV	Vietnamese
17	LÊ HỒNG MINH	P1	35	1	6		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN KHANH CHÂN	P1				90	60	PSV	Vietnamese
19	PHAN SỸ HOÀN	P1	34	1	6		68	PSV	Vietnamese
20	NG THỊ KIM TUYẾN	P1	33	1	10		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN AI	P1	36	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	14	13	87	967	29	13		
2	P1	7	7	46	463	90	8		
TOTAL		21	20	133	1.430	119	21		
WEIGHT KG				133	1.430	119			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	TO: TTC3 - P4	CREW: Hôi - TRƯỜNG - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CHÁNH	TTC3	24	1	8	20	63	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG ANH TUAN	TTC3	25	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
3	KUSHCHENCO R.M.	P4	93	1	5	40	114	KHI	Russian
4	WAN MOHD SHAZAN WAN BAKAR	P4				33	69	KHI	Malaysian
5	SANG KOMPIANG DWI YUDIARTHA	P4	95-96	2	19		90	KHI	Indonesian
6	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	P4	92	1	11		71	DVL	Vietnamese
7	PHẠM LU ANH TUAN	P4	75-76	2	18		76	KHI	Vietnamese
8	ĐẬU VÕ ĐỨC HUYNH	P4	94	1	4		66	KHI	Vietnamese
9	VŨ HỒNG ĐIẾP	P4	74	1	6		47	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ HOÀ VINH	P4					82	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN NAM	P4	68	1	4		74	PSV	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	71	1	4		75	PSV	Vietnamese
13	HỒ ĐÌNH LỘC	P4	67	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	VÕ VĂN DŨNG	P4	100	1	5		64	PSV	Vietnamese
15	LƯU ĐÌNH THAI	P4	97	1	5		57	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	99	1	4		60	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN AI	P4	69-70	2	10		60	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐẮC NHÀ	P4	98	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	2	2	16	124	20	0		
2	P4	16	17	103	1.143	73	9		
TOTAL		18	19	119	1.267	93	9		
WEIGHT KG				119	1.267	93			

GRAND TOAL: 1.479 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/09/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK10+P5+P6	7:25	5+17+0	0+0+0		3+17+2	0+0+0	
2		RC6+JS2+RP2	7:25	4+18+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	CHUYEN 2 JS2- RP2
3		BK5+P4	7:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
4		AMD+TGTH4	7:25	18+4	0+0		16+4	0+0	
5		BK6+P2	7:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
6		P1+JS2	9:25	14+8	0+0		7+15	0+0	
7		BK9+BK8+P4	9:25	4+12+6	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
8		P3+P10	9:25	21+0	0+0		21+1	0+0	
9		P1+P7	9:25	22+0	0+0		17+4	0+0	
10		P4+P7	9:25	8+14	0+0		4+15	0+0	
11		PPD+P5	11:25	22+0	0+0		5+2	0+0	
12		P2+BK10	11:25	22+0	0+0		10+5	0+0	CHUYEN 1 P2- BK10
13		AMD+TD1	11:25	17+5	0+0		14+7	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY: BK10-5NG, P5-2NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK10 - P5 - P6	CREW: Phong - DUONG - Vũ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	BK10	38	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC PHONG	BK10	37	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK10				55	74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN THỊNH	BK10	36	1	4		75	NIPI	Vietnamese
5	SAVELEV	BK10	29	1	10		110	NIPI	Russian
6	LÊ HỒNG ĐẠI	P5	20	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỞNG TÙNG	P5					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	12	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	09	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔNG XUÂN SINH	P5	07-08	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	06	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	14	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN TOÀN	P5	02-03	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	15	1	3	40	64	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CAO MẠNH	P5	10-11	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUANG PHÚ	P5	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	SAGIROV A.S	P5	01	1	6		67	KH-THAC	Russian
19	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P5	13	1	5		76	PSV	Vietnamese
20	LÊ XUÂN TINH	P5	21	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	ĐO LỸ KHANH	P5	19	1	5		90	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TRUNG THANG	P5	05	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

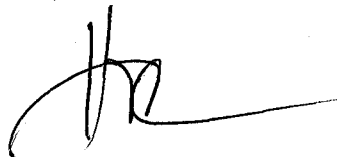
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	4	24	386	55	3		
2	P5	17	19	101	1.235	40	17		
3	P6	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	23	125	1.621	95	22		
WEIGHT KG				125	1.621	95			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RC6 - JS2 - RP2	CREW: Hạnh - MTHAO - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	N. KHẮC THÀNH CHUNG	RC6	99	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ THAI THÀNH	RC6	10	1	10	49	85	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	RC6	95-96	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
4	IUKHIMCHUK	RC6	900	1	9	50	82	KH-THAC	Russian
5	BUI TRỌNG TOÀN	JS2	69	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
6	CLIFFORD FERNANDES	JS2	79	1	10	15	86	KHOAN	Indian
7	GANGADHARAN MENON VINEETH	JS2	77-78	2	18		81	KHOAN	Indian
8	LE QUOC THUAN	JS2	65	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN MAN	JS2	60	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN ANH	JS2	62	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG XUAN CANH	JS2	63	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
12	VO VAN LINH	JS2	61	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN TIEP	JS2	72	1	15		72	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM DOAN HUNG	JS2	71	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
15	VO LE DUY TAN	JS2	73	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
16	LUU VAN LOI	JS2	75-76	2	20		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN VINH	JS2	74	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THOM	JS2	70	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
19	LAM QUANG HIEP	JS2	68	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
20	BUI VAN CHUONG	JS2	64	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
21	BUI QUOC GIA	JS2	66	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUC CONG	JS2	67	1	9		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	4	5	41	310	99	0		CHUYEN 2 PAX TU JS2 SANG RP2
2	JS2	18	20	148	1.287	15	16+2		
3	RP2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	25	189	1.597	114	22		
WEIGHT KG				189	1.597	114			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: BK5 - P4	CREW: Hôi - MMinh - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN TẬP	BK5	31	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	30	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE DUONG	BK5	32	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK5	33-34	2	15	33	62	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG THĂNG LONG	BK5	35-36	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT LỘC	BK5	02-03	2	16	60	58	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN LỢI	BK5	37	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	29	1	7		58	PSV	Vietnamese
9	MARJIEV M. M-C	P4	63	1	9		80	KH-THAC	Russian
10	VLASOVA A. M.	P4					96	KH-THAC	Russian
11	ĐỖ HỮU NAM	P4	61	1	7	17	68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN SĨ TUẤN	P4					62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ANH ĐỨC	P4	58	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VINH	P4	66	1	8		87	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO MINH TUẤN	P4	67	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P4	62	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	64	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	55	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LÂM VĂN PHÚC	P4	65	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN CHIẾN	P4	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN THANH SƠN	P4	59	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM XUÂN HAI	P4	56	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	8	11	91	512	93	5		
2	P4	14	12	66	1.033	17	17		
TOTAL		22	23	157	1.545	110	22		
WEIGHT KG				157	1.545	110			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: AMD - TGTH4	CREW: VThắng - Thanh - Luy	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANTON VAN DER MERWE	AMD	82	1	8		93	BAB	S.African
2	TRAN VAN CHINH	AMD	96	1	6		62	HLJOC	Vietnamese
3	HUYNH NGOC LAM	AMD	84	1	7		70	HLJOC	Vietnamese
4	DAU ANH TRUNG	AMD	86-87	2	15		58	HLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU VINH	AMD	77	1	10		73	HLJOC	Vietnamese
6	PHAM TUAN HUNG	AMD	88	1	9		62	HLJOC	Vietnamese
7	THAN VINH LIEM	AMD	79	1	8	20	62	HLJOC	Vietnamese
8	TRAN TRUNG HAU	AMD	92-93	2	10		75	HLJOC	Vietnamese
9	PHAM VAN TUAN	AMD	94-95	2	18		58	HLJOC	Vietnamese
10	PHAM TUAN HA	AMD	90-91	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG THE HIEN	AMD	89	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH KHANH	AMD	81	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM ANH NGU	AMD	83	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THANH BINH (PVDT)	AMD	85	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUANG THANH	AMD	76	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	80	1	14		91	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU HUU CHINH	AMD	74-75	2	14		53	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO BA THANH	AMD	78	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO SY DUC	TGTH4	46	1	14		87	HLJOC	Vietnamese
20	LE THANH DANH	TGTH4	44-45	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VINH QUANG	TGTH4	71-72	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU CUONG	TGTH4	73	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	23	166	1.246	20	18		
2	TGTH4	4	6	48	295	0	4		
TOTAL		22	29	214	1.541	20	22		
WEIGHT KG				214	1.541	20			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

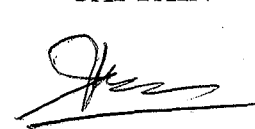
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:55
FLIGHT: 05	TO: BK6 - P2	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 09:35
NAU-1			

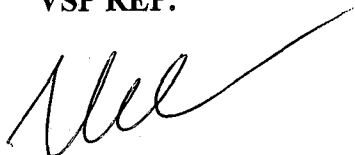
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CỬ	BK6	30	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HAI	BK6	31	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRẦN VIỆT	BK6	33	1	5	50	62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	32	1	4		57	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG MINH	BK6	70	1	6		82	PSV	Vietnamese
6	DƯƠNG MẠNH PHÚ	P2	07	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRẠI	P2	08	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO VĂN BẮC	P2	18	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ANH TUẤN	P2	25	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ DUY TOÀN	P2	09	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG DŨNG	P2	23	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	14	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐO HUU NGUYỄN	P2	19-20	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO VĂN ĐĂNG	P2	11	1	7	20	73	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	24	1	7		44	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	P2	10	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	15	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	HO NGHIA TAI	P2	22	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ANH VŨ	P2	13	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TÍNH	P2	16-17	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VĂN THAI	P2	21	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HÙNG	P2	12	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	5	5	26	336	50	5		
2	P2	17	19	142	1.125	20	17		
TOTAL		22	24	168	1.461	70	22		
WEIGHT KG				168	1.461	70			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	TO: P1 - JS2	CREW: Phong - DUONG - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐAM VĂN QUẢNG	P1	49	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ BA HOA	P1	51	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LONG	P1	61	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG ĐAN	P1	50	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH BA NINH	P1	45	1	5	80	55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	P1	60	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	YUSUPOV DMITRY	P1	53	1	7		74	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN QUÝ TÂN	P1	46	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TSOPANOV A.V	P1	59	1	10		100	KH-THAC	Russian
10	KISELEV IGOR	P1	58	1	16		80	KH-THAC	Russian
11	LÊ NGOC HAI	P1	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG ĐÌNH QUÊ	P1	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HỮU DŨNG	P1	52	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG CONG THANG	JS2	86	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	DAM NGOC TUAN ANH	JS2	81-82	2	12		66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TỰ ĐỘ	JS2	96	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	JS2	86	1	10	105	55	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐAM	JS2	87	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TRUNG	JS2	88	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TRI	JS2	83	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN TIẾP	JS2	84	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	14	13	105	1.006	80	7		
2	JS2	8	9	69	543	105	15		
TOTAL		22	22	174	1.549	185	22		
WEIGHT KG				174	1.549	185			

GRAND TOAL: 1.908 KGS

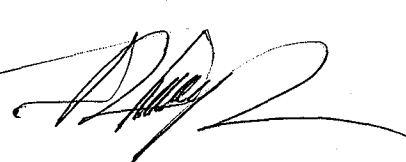
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 1	TO: BK9 - BK8 - P4	CREW: Hạnh - MTHAO - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUAN HỒNG QUANG	BK9	38	1	7	40	70	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN VƯƠNG	BK9	39	1	6		60	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC DUY	BK9	37	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
4	HA VĂN TRƯỜNG	BK9	40-41	2	10		52	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐỨC	BK8	900	1	12	50	80	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN NGHI	BK8	43	1	12	22	68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK8	71	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PODYMОВ	BK8	29	1	7		142	KH-THAC	Russian
9	NGÔ VĂN MÂY	BK8	80	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HOÀNG GIANG	BK8	16	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN TÍNH	BK8	50	1	5		73	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG KINH THANH	BK8	44-72	2	20		65	CODIEN	Vietnamese
13	TRỊNH HOÀI ĐỨC	BK8					69	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ VĂN THỊNH	BK8	23	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	HUYNH TRỌNG PHÚC	BK8	28	1	5		62	PSV	Vietnamese
16	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	69	1	5	13	68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HAI	P4	68	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THANH CAM	P4	73	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC MINH	P4	70	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH NAM	P4	72	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	4	5	30	247	40	0		
2	BK8	11	11	81	843	72	13		
3	P4	6	5	27	425	13	9		
TOTAL		21	21	138	1.515	125	22		
WEIGHT KG				138	1.515	125			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2019	TO: P3 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - NNam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHDANOV	P3	50	1	13		125	KHOAN	Russian
2	ĐO VĂN TỰ	P3	68	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN THANH	P3	59	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM TUAN KHAI	P3	71	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	63	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ KHAI ĐẠT	P3	72-73	2	14		94	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	58	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
8	VĂN MINH TÂN	P3	62	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
9	CHAU ĐÌNH TỰ	P3	67	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG THANH	P3	65	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUÝ TRUNG	P3	56	1	3	20	65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG THẮNG	P3	64	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P3	60	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ ANH QUỐC	P3	66	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ TRUNG KIẾN	P3	57	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LAM	P3	51-52	2	17		76	CODIEN	Vietnamese
17	ĐẶNG SỰ	P3	55	1	8		77	CODIEN	Vietnamese
18	TÔ TIẾN HÙNG	P3	53	1	6		80	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH THẢO	P3	54	1	15		70	DVL	Vietnamese
20	HA KIM LINH	P3	69-70	2	12		48	GETRACO	Vietnamese
21	VŨ VIỆT SƠN	P3	61	1	5		57	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

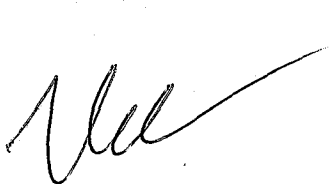
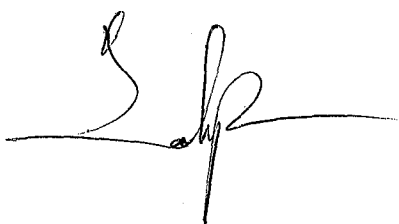
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	21	24	160	1.521	20	21		
2	P10	0	0	0	0	13	1		
TOTAL		21	24	160	1.521	33	22		
WEIGHT KG				160	1.521	33			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	TO: P1 - P7	CREW: VThắng - Thanh - Luy	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN VŨ	P1	21	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P1	17-18	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ VINH	P1	02	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ KIẾN TRUNG	P1	10	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM BA NGẠN	P1	09	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HOANG NHAN	P1	24	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	13	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	19	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	08	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ NAM CƯỜNG	P1	01	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG CÔNG AN	P1	06	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG ĐÌNH KHUÊ	P1	14	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ QUANG ANH	P1	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THẮNG	P1	11-12	2	10		51	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ HỒNG HAI	P1	04	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM ANH SƠN	P1	05	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUY	P1	03	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN GIA CHUNG	P1	07	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	15	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VŨ NGỌC QUYNH	P1	25-26	2	8		60	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG THẾ ANH	P1	22-23	2	12		59	CODIEN	Vietnamese
22	HOANG MINH TÂN	P1	20	1	10		83	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	26	138	1.469	0	17		
2	P7	0	0	0	0	15	4		
TOTAL		22	26	138	1.469	15	21		
WEIGHT KG				138	1.469	15			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2019	TO: P4 - P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 11:35
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG KHAC DU	P4	57	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU THANH	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM NGOC HUNG	P4	59	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUNG BAY	P4	56	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	LAI MINH HOANG	P4	55	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH THANG	P4	51-53	3	14		75	PVDTECH	Vietnamese
7	LUONG TRONG HAO	P4	54	1	6		65	PVDTECH	Vietnamese
8	HOANG VAN TRUNG	P4	58	1	5		65	YTE	Vietnamese
9	LUONG QUOC VUONG	P7	06	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH HOAI NAM	P7	13	1	17	7	85	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI VAN SON	P7	04-05	2	18		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG HUY	P7	07	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC SON	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH VAN PHUONG	P7					73	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN DINH PHAC	P7	02	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM ĐANG GIANG	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VAN TOAN	P7	01	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
18	NG. VAN NHAN	P7	11-12	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN PHU	P7	08	1	7		75	YTE	Vietnamese
20	ĐAO TUAN CHU	P7	09	1	4		70	PSV	Vietnamese
21	LE HUU LONG	P7	10	1	3		55	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN CONG MANH	P7	03	1	6		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	9	48	553	0	4		
2	P7	14	13	93	997	7	15		
TOTAL		22	22	141	1.550	7	19		
WEIGHT KG				141	1.550	7			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	TO: PPD - P5	CREW: Phong - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TIẾP	PPD	07-08	2	15		74	YOKOGAWA	Vietnamese
2	NGUYỄN TẤT TUẤN	PPD	09-10	2	15		60	YOKOGAWA	Vietnamese
3	DƯƠNG ĐĂNG NHÀ	PPD	32-34	3	17		70	YOKOGAWA	Vietnamese
4	BUI ANH TIỀN	PPD	27-29	3	16		65	YOKOGAWA	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NINH	PPD	25-26	2	15		63	PECSI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN NGỌC	PPD	11	1	5	10	70	PECSI	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HÂN	PPD	13	1	10	40	70	PECSI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HOÀN	PPD	19	1	5		55	PECSI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT TỰ	PPD	17	1	5		60	PECSI	Vietnamese
10	VÕ PHI HỒ	PPD	20-21	2	13		90	PECSI	Vietnamese
11	ĐANG VĂN PHÚ	PPD	16	1	5		55	PECSI	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG THÂM	PPD	06	1	5		63	PECSI	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ HOANG LONG	PPD	18	1	5		75	PECSI	Vietnamese
14	NGUYỄN KIM DUNG	PPD	12	1	8		70	PECSI	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN QUANG	PPD	14	1	5		68	PECSI	Vietnamese
16	KIỀU NGỌC THANH	PPD	15	1	7		63	PECSI	Vietnamese
17	DƯƠNG QUỐC CÔNG	PPD	04	1	5		70	PECSI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SANG	PPD	23-24	2	15		65	KHI	Vietnamese
19	LÊ HỮU HÀ	PPD	05	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	BUI VĂN QUÂN	PPD	03	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	NGO VĂN GIAO	PPD	01	1	5		90	PSV	Vietnamese
22	VU HỒNG OANH	PPD	02	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

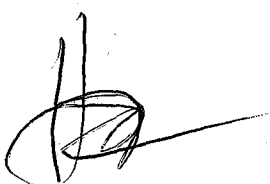
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	31	191	1.501	50	5		
2	P5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	31	191	1.501	50	7		
WEIGHT KG				191	1.501	50			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

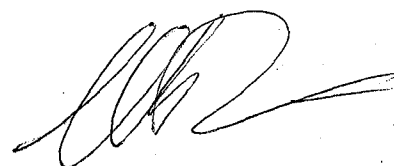
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	TO: P2 - BK10	CREW: QViệt - Hạnh - Toàn	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIỀN CHƯƠNG	P2	69	1	13	20	67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THIÊN	P2	77	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN SÁCH ĐƠN	P2	70-71	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ XUÂN TUÂN	P2	75	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN CUONG	P2	83	1	2		88	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CÔNG LƯU	P2	73	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HUY QUYNH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ SỸ VANG	P2	76	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TÂN	P2	78-79	2	8		78	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI HOANG TÂM	P2	80	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	82	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ CHÊ LINH	P2	85	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TAN QUAN	P2	89	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	74	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VĂN SƠN	P2	72	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH HIẾN	P2	84	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN NAM	P2	90	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐÌNH TUÂN	P2	91	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	93-94	2	16		85	CODIEN	Vietnamese
20	LÊ MINH ĐỨC	P2	81	1	7		66	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	P2	86,88	2	18	10	66	CODIEN	Vietnamese
22	ĐIỀU KIỆU HẠNH	P2					80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	24	157	1.569	30	104		CHUYEN 1 PAX P2 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	24	157	1.569	30	15		
WEIGHT KG				157	1.569	30			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 13	TO: AMD - TD1	CREW: Khang - MTuấn - Năm	ETA: 13:20
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	06	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	AMD	14-15	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VAN THUY	AMD	07	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG VIỆT	AMD	09-10	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	AMD	03	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NHA	AMD	02	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	11	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH ĐỨC (PVDT)	AMD	08	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	04	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	17	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	05	1	15		84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	16	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ TRI HUNG	AMD	01	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HIẾN	AMD	21-23	3	15		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ TRUNG KIẾN	AMD	24-25	2	15	22	73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHÚC	AMD	18-20	3	15		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH QUANG	AMD	12-13	2	15		75	TLJOC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG SAN	TD1	45	1	11		48	SHINTRAC	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG THAO	TD1	98-99	2	12		72	SHINTRAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NHẬT	TD1	89-90	2	15	6	72	SHINTRAC	Vietnamese
21	LÊ PHIÊN	TD1	400	1	11		63	SHINTRAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TÂN TRUNG	TD1	46,97	2	10		53	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	25	199	1.221	22	12		
2	TD1	5	8	59	308	6	8		
TOTAL		22	33	258	1.529	28	20		
WEIGHT KG				258	1.529	28			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN